

TRANG PHỤC CỦA TÍN ĐỒ ĐẠO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Nguyễn Trung Hiếu

Khoa Du lịch và Văn hóa - Nghệ thuật

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: nthieu@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 26/7/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/8/2021; Ngày duyệt đăng: 07/10/2021

Tóm tắt

Trang phục của tín đồ các tôn giáo bản địa ở Tây Nam Bộ nói chung, Bửu Sơn Kỳ Hương nói riêng thể hiện nét văn hóa rất đặc trưng. Trang phục thể hiện hình thức và nội dung - phương pháp tu hành của tín đồ gắn liền với bối cảnh lịch sử xã hội vùng Tây Nam Bộ. Để làm rõ đặc trưng trang phục của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, tác giả bài viết đi vào nghiên cứu các nội dung chính như: (1) đặc trưng trang phục trong mối quan hệ với truyền thống văn hóa dân tộc, với (2) môi trường sinh thái tự nhiên, và (3) điều kiện sống xã hội ở vùng Tây Nam Bộ. Các yếu tố văn hóa - xã hội và môi trường tự nhiên là những tác nhân quan trọng khiến/ làm cho đạo Bửu Sơn Kỳ Hương biến đổi, phù hợp với điều kiện sinh sống và tu hành của các tín đồ.

Từ khóa: *Bửu Sơn Kỳ Hương, môi trường tự nhiên, trang phục, văn hóa xã hội.*

BUU SON KY HUONG BELIEVER'S COSTUME FROM THE PERSPECTIVE OF SOCIOCULTURAL AND NATURAL ENVIRONMENT

Nguyen Trung Hieu

Faculty of Tourism, Culture and Arts

An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: nthieu@agu.edu.vn

Article history

Received: 26/7/2021; Received in revised form: 28/8/2021; Accepted: 07/10/2021

Abstract

Believer's costume of indigenous religions in the Southwest region in general and Buo Son Ky Huong in particular shows a specific culture. Costume represents their form and content - practice methods associated with historical social contexts in Southwest region. To clarify the characteristics of Buo Son Ky Huong believer's costume, the author investigates main contents characteristics of (1) costume in the relation with national cultural traditions, (2) costume with natural ecological environment, and (3) costume with social living conditions in Southwest region. Sociocultural and natural environment are important factors influencing or changing Buo Son Ky Huong religion, suitable to the living conditions and practice of followers.

Keywords: *Buo Son Ky Huong, costume, sociocultural, natural environment.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.4.2022.969>

Trích dẫn: Nguyễn, T. H. (2022). Trang phục của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương từ góc nhìn văn hóa – xã hội và môi trường tự nhiên. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(4), 80-87. <https://doi.org/10.52714/dthu.11.4.2022.969>.

1. Đặt vấn đề

Đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa vùng Tây Nam Bộ nói chung và tôn giáo bản địa Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH) nói riêng. Tuy nhiên, ở đạo BSKH, đặc trưng và quan niệm về trang phục của tôn giáo này như thế nào vẫn chưa được các tác giả nghiên cứu. Câu hỏi đặt ra: Tại sao tín đồ BSKH từ khi thành lập đến nay luôn mặc bộ trang phục bà ba mà không là các bộ trang phục khác theo hình thức thuần tôn giáo như các tôn giáo khác, chẳng hạn Phật giáo, Islam giáo,...? Vậy trang phục của tín đồ tôn giáo rất bình dân này có mối quan hệ như thế nào đến bình diện truyền thống văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái tự nhiên và điều kiện sống xã hội vùng Tây Nam Bộ?

Về mặt tôn giáo, trang phục phần nào phản ánh quan niệm, tư tưởng của tôn giáo đó. Nhìn vào đặc trưng trang phục, chúng ta có thể nhận diện được đó là dân tộc và tôn giáo nào. Trang phục là biểu tượng để nhận diện văn hóa và quan niệm về tính “thiêng”, vì thế trang phục được các tôn giáo quy định rất chi tiết, nhất là đối với các tôn giáo có hình thức tổ chức và phân cấp chức sắc trong giáo đoàn, giáo hội. Chẳng hạn như các phẩm pháp phục trong Islam giáo, Cao Đài giáo...; còn với Phật giáo thì “pháp phục được xem là hình thức thể hiện thân giáo, đó là pháp tướng bên ngoài của người xuất gia nên các chế tài trong luật quy định rất rõ về các hình thức của pháp phục”. (Giang, 2010)

Các tôn giáo bản địa ở Tây Nam Bộ như BSKH, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ra đời trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Mỗi giáo chủ đều chọn cho tín đồ tôn giáo mình loại trang phục phù hợp với tính thể tục và đặc điểm truyền thống văn hóa dân tộc, điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội làm biểu trưng cho tôn giáo. Đặc biệt, đặc trưng và ý nghĩa trang phục của ba tôn giáo này tương đồng nhau, thậm chí có ý kiến cho là một¹, phản ánh rõ tư tưởng tôn giáo với các mối quan hệ truyền thống văn hóa dân tộc, điều kiện sinh thái tự nhiên và điều kiện sống xã hội ở vùng Tây Nam Bộ - nơi các tôn giáo này ra đời và tồn tại.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý thuyết liên quan đến nghiên cứu

2.1.1. Lý thuyết Sinh thái học văn hóa (Cultural ecology)

Trong nghiên cứu văn hóa học, nhân học, tâm lý học, và cả trong văn học... cách tiếp cận/ lý thuyết rất thường được các nhà nghiên cứu hiện nay sử dụng là “Sinh thái học” hay tương đồng là “Địa văn hóa”.

Trên cơ sở lý thuyết “Sinh thái học - văn hóa”, ở nghiên cứu này, chúng tôi đi vào phân tích sự ảnh hưởng của điều kiện sinh thái tự nhiên hình thành nên phương thức tu hành của tôn giáo BSKH cho phù hợp với đời sống của tín đồ trong môi trường tự nhiên mà họ đang sống. Từ yếu tố địa lý - sinh thái tự nhiên còn cho thấy các giá trị văn hóa vật chất mà giáo chủ đạo BSKH chọn lựa phù hợp với nhu cầu quan trọng nhất của tín đồ trong quá trình sinh sống, tu hành phụ thuộc vào thiên nhiên, qua đó hình thành nên nét đặc trưng của tôn giáo bản địa BSKH thể hiện qua trang phục.

2.1.2. Lý thuyết Sự lựa chọn hợp lý (Rational choice theory)

Cá nhân hay cộng đồng trong đời sống thường có xu hướng lựa chọn cho mình là “A” hoặc “B” về một vấn đề nào đó. Sự lựa chọn này dựa trên nhiều tiền đề khác nhau, nhưng trước nhất phụ thuộc vào nhận thức duy lý về nhu cầu của cá nhân hay cộng đồng dẫn đến quyết định lựa chọn. Thuyết *Sự lựa chọn hợp lý (Rational choice theory)*/ *Sự lựa chọn duy lý* trong kinh tế học và sau này được sử dụng phổ biến trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn đã lý giải khá rõ sự lựa chọn của cá nhân và cộng đồng về một sự vật, hiện tượng nào đó.

Sự lựa chọn hợp lý của cá nhân và cộng đồng tộc người thể hiện ở nhiều phương diện trong đời sống. Chính sự lựa chọn duy lý - được cho là hợp lý của cá nhân, cộng đồng đã tạo ra sự phong phú, đa dạng trong rất nhiều lĩnh vực của đời sống theo sự vận động lịch sử xã hội. Có thể nói, tiền đề trung tâm dẫn đến quyết định lựa chọn của cá nhân và cộng đồng trong đời sống là tính lợi ích mang lại, phù hợp với tâm lý, tình cảm và nhu cầu của chủ thể. Vì các lý do đó mà trong sự lựa chọn hợp lý/duy lý, “cá nhân luôn hành động hợp lý bằng cách so sánh lợi hại của mọi hành vi và đưa ra quyết định nào tối đa hóa nhất quyền lợi của mình” (Nguyễn, 2008, tr.76). Sự lựa chọn hợp lý này nếu được dẫn dắt bởi đời sống tâm linh mà cá nhân và cộng đồng “lệ thuộc” thì tính hợp lý của sự lựa chọn càng được khẳng định là “chính xác”, là “chân lý” để sản phẩm được lựa chọn đó tồn tại lâu dài, mà trường hợp trang phục của tín đồ BSKH (cả

Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo) là điển hình của sự lựa chọn hợp lý có sự dẫn dắt bởi niềm tin tâm linh.

Ở bài viết này, vận dụng lý thuyết Sự lựa chọn hợp lý/duy lý, chúng tôi đã phân tích sự vật đặt trong bối cảnh lịch sử, văn hóa xã hội và tự nhiên vùng Tây Nam Bộ - giáo chủ và tín đồ đạo BSKH đã lựa chọn duy lý trang phục truyền thống của người Việt vùng Nam Bộ làm trang phục tu hành của cộng đồng tín đồ. Sự lựa chọn duy lý/hợp lý này càng được thể hiện rõ ràng trong sự so sánh với trang phục của các tôn giáo khác như Islam giáo của người Chăm và ngay cả Phật giáo của người Việt - Tại sao giáo chủ Đoàn Minh Huyền không lựa chọn trang phục của các tôn giáo đó mà lựa chọn trang phục truyền thống của người Việt vùng Nam Bộ làm trang phục của đạo do ông sáng lập?

2.2. Khái lược về đạo BSKH và một số vấn đề liên quan đến trang phục của các tín đồ

2.2.1. Khái lược về đạo BSKH

Người khai sáng đạo BSKH là Phật Thầy Đoàn Minh Huyền, hay Đoàn Văn Huyền, tín đồ thường gọi ông là Đức Phật Thầy Tây An. Ông sinh vào giờ Ngọ ngày Rằm tháng Mười năm Đinh Mão (1807); quê làng Tòng Sơn (nay thuộc xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Sau một thời gian dài đi học đạo khắp các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Nam Bộ, năm 1849, ông trở về quê trị bệnh cứu người và khai sáng nền đạo pháp mang tên BSKH tại chùa Tây An cổ tự (Long Giang, Chợ Mới, An Giang). Thời gian này, ông bị chính quyền An Giang nghi ngờ là “gian đạo sĩ”, tụ họp dân chúng làm loạn, nên đưa ông về tỉnh thành An Giang ở Châu Đốc, cho ông an trú tu hành tại chùa Tây An (núi Sam, Châu Đốc, An Giang) tu theo phái Thiền Lâm Tế. Nơi đây ông viên tịch vào ngày 12 tháng 8 Âm lịch năm 1856, thọ 50 tuổi. Mộ phần của ông bên trái chùa Tây An (núi Sam). Tín đồ ông trong thời gian khai đạo rất đông.

Hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ của Ban Tôn giáo Chính phủ, đạo BSKH có khoảng 15.000 tín đồ, phân bố ở các tỉnh như: An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang,... (Dương, 2020).

Đạo BSKH lấy giáo thuyết Tứ Ân, tu nhân và học Phật làm tư tưởng tu hành chủ đạo. Tín đồ không xuất thế mà nhập thế - tại gia cư sỹ. Đạo BSKH là

dấu ấn văn hóa tôn giáo đặc trưng trong bức tranh văn hóa vùng Tây Nam Bộ.

2.2.2. Một số vấn đề liên quan đến trang phục qua các nghiên cứu trước và tư liệu tôn giáo

Khi nghiên cứu về các tôn giáo bản địa ra đời ở Nam Bộ, đề cập đến vấn đề trang phục của đạo BSKH, có một số nhà nghiên cứu trước cho rằng: người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, đi lễ chùa mặc một chiếc áo màu đen (không được dùng hàng lụa) và đi chân đất khi vào chùa (Hà, 1971, tr. 25); kiều trang phục này thể hiện lối sống nông dân, nặng truyền thống dân tộc, có khi đến bảo thủ với bới tóc, áo vạt hò, quần lá nem, đi chân đất (Phan, 2004, tr. 32). Qua trang phục bộ bà ba, áo vạt hò, quần lá nem của tín đồ BSKH thể hiện rõ những sắc thái văn hóa truyền thống của người Việt. “Đó là cách ăn mặc cổ truyền của cư dân người Việt ở vùng nông thôn xưa kia” (Nguyễn, 2000, tr. 90), “nhưng lại có những nét được thể hiện rất đậm chất Nam Bộ” (Ngô, 2017, tr. 438). Đây là những nhận định bước đầu đánh giá về đặc trưng trang phục của đạo BSKH (cũng như Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo).

Căn cứ trên các tư liệu lịch sử khảo cứu về giáo chủ Đoàn Minh Huyền và đạo BSKH của các nhà nghiên cứu trước năm 1975, hiện chưa có tư liệu nào đề cập đến việc quy định về trang phục của đạo. Ngoài trừ một vài câu thi giảng hiếm hoi được đề cập. Do vậy, việc nghiên cứu về đặc trưng trang phục của tôn giáo này phải căn cứ trên trang phục hiện nay mà tín đồ cao niên còn sử dụng phổ biến.

Giáo chủ Đoàn Minh Huyền khi ra đời truyền đạo đã thể hiện hình thái là người nông dân, dùng trang phục tôn giáo gắn liền với trang phục truyền thống của người nông dân Việt Nam Bộ. Điều này thể hiện qua hai câu thi giảng mà ông “tuyên ngôn” trước các nhà sư Phật giáo Bắc tông trong một cuộc “hội ngộ” khi bị bắt về quản thúc ở Châu Đốc: “Tu bạn **áo đen**/Phát trường y hiện” (Nguyễn & Nguyễn, 2012, tr. 50); hay trong câu thi giảng: “**Áo dà** gậy trúc tiêu giao tháng ngày”. Hình thức tu tập và y sắc này hoàn toàn khác với các tông phái Phật giáo thời bấy giờ, dù rằng, giáo chủ Đoàn Minh Huyền đã từng tu học ở những ngôi chùa Phật giáo Bắc tông trước khi ông truyền đạo BSKH.

Tám ảnh lưu truyền về giáo chủ Đoàn Minh Huyền được tín đồ thờ trong các chùa, hình dáng của giáo chủ với đầu vấn khăn, mặc áo bà ba đen, râu dài.

Trang phục này cũng được thể hiện qua các đại tín đồ của ông, những người mà cộng đồng tín đồ thường gọi là các “Ông Đạo”. Ông Trần Văn Thành là đại đệ tử của giáo chủ Đoàn Minh Huyền, khi khởi quân đánh Pháp, mỗi khi xung trận, Quân cơ Trần Văn Thành luôn luôn khoác ở ngoài lớp quân phục “một cái áo lá nhuộm màu dà” (Nguyễn, 1956, tr. 10). Ông Đạo Phan Văn Cây (1872 - 1952) là đệ tử thuần hành của đạo BSKH, di ảnh ông được thờ với hình dáng mặc bộ áo bà ba đen, để râu, búi tóc. Một đệ tử khác nổi tiếng của đạo BSKH là ông Nguyễn Văn Thới (Ba Thới)², di ảnh thờ ông mặc bộ bà ba đen, để râu, tóc dài búi cao sau gáy. Trong chùa Thới Sơn (Tịnh Biên, An Giang) có hình ảnh tập thể tín đồ của đạo BSKH chụp trước năm 1954 đều mặc trang phục bộ bà ba màu đen và màu dà, quần lá nem, có người để râu và tóc dài búi sau gáy...

Hiện nay, tín đồ cao niên của đạo BSKH vẫn thường mặc bộ bà ba màu đen hoặc nâu trong đời sống hằng ngày.

Căn cứ trên “tuyên ngôn” và hình ảnh về giáo chủ Đoàn Minh Huyền hay những tín đồ BSKH cho thấy, từ ngày đầu khai đạo, việc chọn trang phục cho tín đồ đã được giáo chủ Đoàn Minh Huyền ý thức, thoát ra khỏi ràng buộc của hình thái trang phục Phật giáo vốn đã được ông thừa hưởng.

So với trang phục của các tôn giáo khác, ngay cả Phật giáo, lối trang phục này có nhiều vấn đề đặt ra: Tại sao giáo chủ Đoàn Minh Huyền và tín đồ sáng lập các chi phái BSKH sau này quy định, lựa chọn trang phục cho tín đồ tôn giáo là những loại trang phục truyền thống dân tộc? Giáo chủ Đoàn Minh Huyền đã từng “học Phật” ở các ngôi chùa Phật giáo, từng tu hành trong chùa Phật giáo phái Lâm Tế, tại sao giáo chủ Đoàn Minh Huyền không vận dụng pháp phục Phật giáo vào đạo của ông sáng lập? Ngoài ý thức truyền thống dân tộc thì việc lựa chọn trang phục cho tín đồ tôn giáo của giáo chủ có chịu tác động bởi môi trường sống tự nhiên và điều kiện sống xã hội vùng Tây Nam Bộ hay không?... Những vấn đề này, đến nay vẫn chưa được các nhà nghiên cứu lý giải.

2.3. Đặc trưng trang phục của BSKH trong mối quan hệ với truyền thống văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái tự nhiên và điều kiện sống xã hội vùng Tây Nam Bộ

2.3.1. Đặc trưng trang phục của BSKH trong mối quan hệ với truyền thống văn hóa dân tộc

Đạo BSKH ra đời chịu tác động rất lớn bởi hoàn cảnh lịch sử, tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ. Giáo chủ và đại tín đồ truyền đạo, quy tập giáo đoàn nông dân trong hoàn cảnh hụt hẫng tâm lý và nhu cầu cấp bách của cuộc sống - “miếng cơm, manh áo”. Do đối tượng là người nông dân đến với đạo bằng tâm lý “tự phát” - đến tìm chỗ dựa tinh thần ở “Hoạt Phật” (Phật sống) - những thành phần tín đồ nông dân này không tách rời hai khía cạnh quan trọng của cuộc sống, đó là: đời sống thể tục của thực tại môi trường sống và những giá trị vật chất mà họ đã/đang thụ hưởng từ truyền thống văn hóa dân tộc. Thực tại là đời sống lao động hằng ngày để đảm bảo nhu cầu vật chất cho gia đình, làng xóm; Những giá trị vật chất truyền thống dân tộc được thừa hưởng, trở thành đặc trưng văn hóa - cụ thể là trang phục mà họ đang khoác lên mình,... Hai điều này, ngay chính giáo chủ Đoàn Minh Huyền cũng chịu tác động rất lớn. Do vậy, khi khai lập và truyền đạo, yếu tố đời sống hiện thực và những giá trị vật chất truyền thống của dân tộc Việt đã đan xen vào đời sống và ý thức tôn giáo. Do vậy mà sự lựa chọn trang phục sử dụng cho tín đồ tôn giáo luôn đặt hai yếu tố đó nằm trong dòng ý thức căn gốc của giáo chủ và các đại tín đồ.

Như ý kiến đã đề cập: trang phục của đạo BSKH thể hiện lối sống nông dân, nặng truyền thống dân tộc, có khi đến mức bảo thủ với bới tóc, áo vạt hò, quần lá nem (Phan, 2004, tr. 32). Thể dạng áo vạt hò, quần lá nem (dân gian hay gọi: “quần đáy nem”) hay bộ bà ba,... là những loại trang phục truyền thống của người Việt Đàng Trong từ thế kỷ thứ XIX đến nay. Đây được xem là những bộ trang phục chuẩn mực, là mỹ tục của người Việt (Phan, 1993, tr. 52). Những loại trang phục này đã trở thành kiểu trang phục ổn định, gắn liền với sinh hoạt thường ngày và trở thành biểu tượng nhận diện của người Việt vùng Tây Nam Bộ (Trần, 2013, tr. 471) nói riêng, người Việt xứ Đàng Trong nói chung từ thế kỷ XIX đến 1975. Nhất là người nông dân sinh sống ở vùng nông thôn.

Về màu sắc, những bộ quần áo bà ba, áo vạt hò, quần lá nem,... thời kỳ này thường sử dụng là màu “dà” (còn gọi màu “đà”) tức màu nâu sậm (nhuộm bởi cây dà) hoặc chàm sậm, ngả sang đen mốc (nhuộm bởi cây cóc dại, rồi đem dầm bùn cho thắm màu) (Phan, 1993, tr. 53). Người Việt vùng Tây Nam Bộ thường gọi chung các kiểu loại quần áo này bằng cái tên bình

dân là “bộ bà ba đen”. Không chỉ có màu đen, bộ bà ba, áo vạt hò, quần lá nem ở Tây Nam Bộ còn có màu trắng đục, màu xanh đậm,... Tuy nhiên, với đặc thù đời sống sản xuất, và điều kiện tự nhiên, xã hội, các sản phẩm làm nên bộ trang phục... của người nông dân Việt Tây Nam Bộ thường chọn màu đà, màu nâu sậm, màu đen,... để mặc hằng ngày.

Về hình dạng trang phục: bộ bà ba hay áo vạt hò, quần lá nem với kiểu dáng tương tự nhau, gồm một áo ngắn và một quần dài. Áo có cổ tròn, ôm khít vòng cổ, hai ống tay rộng vừa phải và dài đến cổ tay. Thân áo xẻ tà ngắn ở hai bên, phía sau nguyên một mảnh, phía trước hai mảnh, ở dưới có hai túi hình chữ nhật, giữa là dây khuy cài suốt từ trên xuống. Quần cột bằng vải rút, đũng quần tương đối cao, hai ống rộng, dài đến cổ chân hoặc chắm gót chân. Bộ bà ba của nam giới có phần gọn gàng, đường nét vuông vức; còn bộ bà ba của nữ thì có phần rộng rãi, đường nét đẹp và sang hơn (Trần, 2013, tr. 471). Từ đặc trưng truyền thống văn hóa trang phục dân tộc, điều kiện tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội... của người Việt Tây Nam Bộ, nên khi ông Đoàn Minh Huyền khai đạo và truyền bá đã kế thừa những giá trị truyền thống văn hóa trang phục dân tộc Việt một cách có ý thức. Bởi vì, tín đồ của ông là những người nông dân, vốn dĩ đã khoác lên mình bộ trang phục gắn liền với đời sống bung điền từ lâu đời.

BSKH ra đời trong vùng đất nông nghiệp, tín đồ là “cư sĩ canh điền” nên trang phục của đạo mà giáo chủ Đoàn Minh Huyền chọn lựa cho tín đồ không thể khác ý thức truyền thống văn hóa trang phục dân tộc và điều kiện sống vật chất của người nông dân. Trong tâm thức của tín đồ, bộ trang phục bà ba, áo vạt hò, quần lá nem rất tiện dụng và quen thuộc. Tính hiện thực tâm lý và hiện thực xã hội này chắc hẳn đã thể hiện trong nhận thức, quá trình truyền đạo của giáo chủ Đoàn Minh Huyền và các giáo chủ/thầy sáng lập các chi phái BSKH sau này - vốn dĩ là những “nhà Nho nông dân”, sống cùng với nông dân, kế thừa và mang đậm truyền thống văn hóa dân tộc.

2.3.2. Đặc trưng trang phục của BSKH trong mối quan hệ với môi trường sinh thái tự nhiên

Song song với yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc - xã hội là yếu tố môi trường sinh thái tự nhiên ở vùng Tây Nam Bộ gắn liền với hoạt động sản xuất, sinh sống,... của người nông dân/tín đồ. Môi trường sinh thái tự nhiên đặc trưng ở Tây Nam Bộ phần nào

tác động đến nhận thức và lựa chọn trang phục truyền thống dân tộc Việt làm trang phục tôn giáo cho đại chúng tín đồ của giáo chủ Đoàn Minh Huyền và các đại tín đồ truyền thừa.

Người nông dân/tín đồ đạo BSKH chủ yếu sinh sống ở vùng bung điền, hoạt động sinh kế quanh năm gắn liền với sông nước, đầm lầy, kinh rạch; hay cư trú ở vùng có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt như đồi núi, rừng,... Với hình thức tu hành nhập thế: “Ta là cư sĩ canh điền/Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành”, tín đồ đạo BSKH vừa lo tu hành vừa lao động sản xuất, làm ăn nuôi sống gia đình và làng xóm. Do vậy, việc lựa chọn trang phục tôn giáo cho tín đồ một mặt không thể xa rời tính truyền thống văn hóa trang phục dân tộc mà cư dân bản địa vốn đã “khoác lên mình”, mặt khác càng không thể xa rời tính hiện thực của điều kiện sống tự nhiên. Nếu vượt khỏi truyền thống dân tộc mang tính bình dân, tính hiện thực của đời sống gắn liền với môi trường tự nhiên này, chắc hẳn đạo BSKH từ khởi đầu sẽ không hoặc ít nhận được sự tin tưởng, quy y của người nông dân Việt, nhất là trong bối cảnh mà Phật giáo, Thiên Chúa giáo hay Islam giáo là một điển hình cho ý niệm lựa chọn niềm tin tâm linh của người Việt thời bấy giờ. Người Việt đến khai phá vùng Đông Nam Bộ và dần tiến về Tây Nam Bộ từ khoảng thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh đời sống xã hội và tự nhiên vùng đất Nam Bộ thời bấy giờ làm cho người Việt khủng hoảng tâm lý, nhu cầu chỗ dựa tâm linh rất cao. Mặc dù vậy, người nông dân Việt thời kỳ này vẫn rất ít quy y theo Phật giáo Bắc Tông hay Nam Tông, Islam giáo,... cũng bởi vì những khuôn thức trang phục và thực hành tôn giáo.

Vùng Tây Nam Bộ là vùng cận xích đạo, với đặc tính khí hậu nóng ẩm. Mùa nắng nóng nhất (còn gọi mùa khô) diễn ra từ tháng 12 đến tháng 5. Tuy được mang danh là vùng sông nước, nhưng với cái nắng nóng oi bức cùng với khí hậu ẩm thấp, dễ sinh dịch bệnh, nhất là vào mùa nắng, hay giao mùa nắng - mưa. Ngoài ra, ở vùng núi phía Tây Nam An Giang, mùa nắng càng gay gắt, nhiều sông, rạch, suối nước khô cạn... Thời tiết khó khăn, khắc nghiệt đồng hành cùng các hoạt động sản xuất của tín đồ. Do vậy, việc lựa chọn trang phục tôn giáo phù hợp với hoàn cảnh thiên nhiên gắn liền với cuộc sống lao động sản xuất, cư trú của tín đồ là điều rất cần thiết. Trong hoàn cảnh mùa nước nổi, nước ngập lênh láng, mùa nắng

nóng khô hạn, hằng ngày người dân phải cuốc đất, cày bừa, trồng tía, lội sông, chèo ghe, xuồng đặt lợp lờ, chài lưới bắt cá,... mà giáo chủ chọn giáo phục “áo cà sa” của Phật giáo hay chiếc sà-rông của Islam giáo với cách mặc quấn quanh người từ cổ đến chân, lại rất rộng so với cơ thể,... thì rất khó thực hiện các thao tác trong hoạt động sản xuất dưới sông, trên ghe, xuồng hay cày ruộng, đánh luống, bắt cá... Hoặc như trong lúc trời nắng nóng oi bức, nhiệt độ cao, kết hợp với công việc làm “mồ hôi đổ xuống như mưa ruộng cày” mà chọn trang phục màu sắc sỡ như màu vàng, màu đỏ sậm,... thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người. Bởi vì những “màu sáng” này hấp thụ nhiệt rất cao khi trời nắng nóng và làm tăng thân nhiệt, con người dễ bị bệnh,...

Xuất phát từ thực tế cuộc sống của tín đồ, giáo chủ Đoàn Minh Huyền và các đại tín đồ truyền thừa lựa chọn bộ trang phục bà ba, áo vạt hò, quần lá nem,... từ truyền thống làm trang phục tôn giáo dành cho tín đồ, nhằm phù hợp với điều kiện làm ăn, môi trường đồng ruộng, hài hòa với khí hậu thiên nhiên, nhẹ nhàng và di chuyển linh hoạt trong quá trình lao động sản xuất ở các môi trường khác nhau. Ngoài ra, với khí hậu thiên nhiên nóng ẩm, chiếc áo bà ba, áo vạt hò, quần lá nem,... với kiểu dáng rất đặc trưng vừa gọn nhẹ vừa “che phủ” được toàn cơ thể. Điều này phù hợp với nguyên lý tự nhiên và kinh nghiệm sống của con người: “Trời nóng mà mặc hở thì mát, nhưng nếu nóng quá thì, ngược lại, phải mặc kín để ngăn không cho cái nóng thâm nhập vào người” (Trần, 2013, tr. 472). “Tay áo bà ba dài, rộng có thể che được ánh nắng gay gắt khi lao động, thuận lợi hơn chiếc áo lá tay ngắn” (Phan, 1993, tr. 62).

Một điều tiện lợi nữa đối với bộ quần áo bà ba, áo vạt hò so với các trang phục khác như sà-rông của Islam giáo hay áo cà-sa của Phật giáo nữa là, với kiểu dáng áo bà ba, áo vạt hò lại có thêm hai túi to dưới vạt áo nên khá tiện lợi vì có thể đựng những vật dụng (Phan, 1993, tr. 63) mang tính tâm linh tôn giáo và vật dụng đời thường của người tín đồ, phục vụ cho sinh hoạt cá nhân và sinh hoạt tôn giáo như: Lòng phái³, thuốc nam, thuốc hút, trà cau,... - vừa để “tưởng Phật” vừa trị bệnh cho con người trong môi trường sống khó khăn, chết chóc...

Có thể nói, trang phục truyền thống bộ bà ba, áo vạt hò, quần lá nem của tín đồ đạo BSKH phù hợp với hoàn cảnh sống, lao động sản xuất của người dân

vùng sông nước, khí hậu khắc nghiệt ở Tây Nam Bộ thời kỳ này. Trang phục truyền thống nông dân trở thành trang phục tôn giáo, vừa thể hiện tính thế tục trong tư tưởng tôn giáo, vừa thể hiện tính linh hoạt, hiện thực, ứng phó với môi trường sống tự nhiên. Điều này, về mặt niềm tin, góp phần quan trọng vào sự tồn tại của tôn giáo trong lòng người nông dân bởi sự gần gũi; về mặt hiện thực, nó quy định sự tồn tại của tín đồ trong môi trường sống khó khăn, khắc nghiệt.

2.3.3. Đặc trưng trang phục của BSKH trong mối quan hệ với điều kiện sống xã hội

Việc chọn trang phục bà ba với áo vạt hò, quần lá nem có màu đen, màu đà, màu nâu,... làm trang phục tôn giáo của tín đồ BSKH còn do bởi ý thức về tận dụng điều kiện tự nhiên để phục vụ cho việc may mặc các bộ trang phục trong hoàn cảnh xã hội thời kỳ này còn rất nhiều khó khăn. Hay nói cách khác, điều kiện sống xã hội giai đoạn này không cho phép người nông dân Việt Tây Nam Bộ có nhiều sự lựa chọn cả trang phục tôn giáo và trang phục đời thường. Đạo BSKH ra đời vào nửa cuối thế kỷ thứ XIX, ở vùng sông nước, rừng núi, trong điều kiện sống khó khăn mà chọn lựa trang phục cho tôn giáo bằng vải lụa, màu vàng của Phật giáo hay màu trắng, vải kẻ sọc,... như Islam giáo thì không thể thực hiện. Ở Nam Bộ thời kỳ này rất hiếm có các loại trang phục của các tôn giáo như vậy. Ngược lại, những loại vải màu đà, màu nâu sậm, màu đen,... mà tín đồ đạo BSKH tự thực hiện được lấy từ các sản phẩm của thiên nhiên, dễ tìm. Ngoài ra, vào thời kỳ này, nghề trồng dâu nuôi tằm, kéo sợi và dệt vải, nhuộm đen, nhuộm màu đà,... rất phát triển ở Tây Nam Bộ, nhất là tỉnh An Giang. Ngay cả bà Nguyễn Thị Thanh, vợ Quản cơ Trần Văn Thành là đại đệ tử của giáo chủ Đoàn Minh Huyền cũng là người: trồng dâu dệt vải để tự nuôi sống hằng ngày (Nguyễn, 1956, tr. 75). Người Khmer ở vùng Bảy Núi (An Giang) có nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải rất phát triển; người Chăm ở Tân Châu (An Giang) từ đầu thế kỷ XIX đã nổi tiếng với nghề dệt thổ cẩm, vải vóc,... Vùng Chợ Mới (An Giang) từ nửa cuối thế kỷ XIX nghề dệt vải, nhuộm vải phát triển rất mạnh,... Các loại vải dệt và nhuộm của người Khmer, người Chăm và người Việt được lấy chất liệu từ thiên nhiên như vỏ cây đà, cây mặc nưa, vỏ cây trám bầu,... Với điều kiện sống khó khăn, người tín đồ của đạo BSKH chọn những loại vải thông

thường, phổ biến qua việc tự sản xuất hay giao lưu mua bán với người Khmer, người Chăm để sử dụng. Những loại trang phục này phù hợp với thực tế cuộc sống, với thiên nhiên và nền đạo pháp.

Có thể nói, sự phong phú, đa dạng các sản phẩm như vải bông, vải bố, các loại cây phục vụ dệt và nhuộm vải,... từ thiên nhiên mang lại phần nào tác động đến ý thức lựa chọn về đời sống tôn giáo của giáo chủ và tín đồ BSKH, mà trang phục tôn giáo là biểu hiện của sự lựa chọn này. Trong bối cảnh đời sống kinh tế của gia đình và xã hội còn rất nhiều khó khăn, một cái quần, cái áo mặc gìn giữ qua nhiều thế hệ thì việc truyền đạo nếu quá chú trọng vào hình thức, trang phục bên ngoài chắc hẳn khó nhận được sự tiếp nhận của người Việt, do quá xa rời cuộc sống hiện thực mà người nông dân đang có, đang cần. Phải chăng vì quá chấp hình tướng, chấp vào “chiếc áo” và hình thức tu hành nên Phật giáo cũng như Islam giáo thời bấy giờ ở Tây Nam Bộ ít nhận được sự chú ý của người nông dân Việt thời kỳ Nam tiến sinh sống, dù họ đang chịu sự khủng hoảng về tinh thần, cần một chỗ dựa tâm linh (?!).

Sự phong phú của thực vật nhiệt đới với các loại cây bố, bông vải, cây dâu tằm, các loại cây nhuộm vải màu đà, mặc nưa, trâm bầu,... đã giúp tín đồ BSKH có thể tự mình sản xuất ra các loại vải để phục vụ cho gia đình, tín đồ đoàn. Thông qua các hoạt động sản xuất, tín đồ còn có thể thực hành pháp môn tu Tịnh độ (niệm Phật), quán tưởng về Phật pháp, thể hiện tinh thần nhập thế như giáo chủ Đoàn Minh Huyền đặt ra. Có thể nói, với tác động của hoàn cảnh sống xã hội và việc tận dụng môi trường tự nhiên làm nên trang phục của tín đồ đạo BSKH là hoạt động có ý thức, nằm trong tư tưởng - hình thức tu hành “cư sỹ tại gia”. Qua đó góp phần quan trọng nói lên giá trị tư tưởng của giáo chủ Đoàn Minh Huyền và đạo BSKH - là một tôn giáo bình dân, phá chấp hình tướng, vừa tu hành vừa lao động sản xuất. Y phục mà tín đồ BSKH mặc hằng ngày trở thành biểu tượng của một tôn giáo luôn gắn liền với điều kiện tự nhiên - vừa ứng phó, phù hợp với môi trường tự nhiên vừa tận dụng môi trường tự nhiên. Ngoài ra, nó còn là sự kết hợp với yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc vốn được giáo chủ - xuất thân là người nông dân tiếp giữ, phổ truyền.

Từ những yếu tố đó cho thấy ý thức về trang phục tôn giáo của giáo chủ Đoàn Minh Huyền và

tín đồ BSKH có từ buổi đầu lập đạo và tu hành. Ý thức này xuất phát từ thực tại cuộc sống của chính giáo chủ và tín đồ - là người nông dân, sinh sống trong lòng nông dân, cùng trong hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn,... Do vậy mà từ khi khai đạo - dù đã tiếp thụ những giá trị của Phật giáo, nhưng ông Đoàn Minh Huyền và các đại đệ tử (các ông Đạo) vẫn không tách rời hiện thực đời sống của người nông dân, của truyền thống ông bà, làng xóm và hoàn cảnh sống xã hội mang lại. Từ đó dẫn đến trang phục, cách tu hành của đạo,... luôn gắn liền với ý thức của người nông dân và hoàn cảnh sống hiện tại của xã hội.

Ngày nay, do tác động của đời sống kinh tế - xã hội vào tôn giáo, quá trình tự biến đổi của tín đồ tôn giáo,... đã làm cho trang phục hằng ngày của tín đồ đạo BSKH thay đổi ít nhiều. Đây là hiện tượng mang tính phổ quát. Hiện nay, trang phục hằng ngày của tín đồ BSKH có nhiều kiểu loại khác nhau, gắn liền với đời sống mới, nhưng vẫn còn rất nhiều những tín đồ “ông già bà cả” ở những xóm đạo vùng nông thôn như Vĩnh Xương (Tân Châu, An Giang), Thới Sơn (Tịnh Biên, An Giang), Núi Tô (Tri Tôn, An Giang),... mặc bộ đồ bà ba đen, quần lá nem,... Những hình ảnh này được xem là niềm “hoài cổ”, lưu giữ truyền thống ông bà, truyền thống của đạo, góp phần nhận diện đặc trưng của đạo BSKH nói riêng và các tôn giáo nội sinh vùng Tây Nam Bộ như Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo nói chung.

3. Kết luận

Tôn giáo bản địa BSKH đã thể hiện sâu sắc truyền thống văn hóa dân tộc qua trang phục; thể hiện rõ đặc trưng tư tưởng - pháp môn tu hành của tôn giáo - đó là tinh thần “nhập thế” với cuộc sống hằng ngày, không chấp vào hình tướng; đời sống tôn giáo của tín đồ phải luôn gắn liền với đời sống thế tục hiện hữu.

Ngoài ra, trang phục còn cho thấy đặc trưng văn hóa của tôn giáo - luôn chịu sự tác động của truyền thống văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái và điều kiện sống xã hội ở một vùng đất - nơi mà tôn giáo đó ra đời từ những yếu tố lịch sử xã hội, tự nhiên, kinh tế - xã hội, tâm lý xã hội,... Chính điều này đã làm nên nét đặc trưng về biểu tượng trang phục tôn giáo của BSKH - một “tôn giáo bình dân”, “tôn giáo thế tục”, đóng vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt vùng Tây Nam Bộ.

Chú thích:

¹Theo một số lý giải của tín đồ BSKH, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo khi chúng tôi tham vấn.

²Ông Nguyễn Văn Thới là tác giả của bộ tác phẩm thi giảng bằng chữ Nôm *Kim cổ kỳ quan* nổi tiếng ở vùng Tây Nam Bộ.

³“Lòng phái” là một miếng giấy hay vải màu vàng hoặc trắng, có đóng dấu triện son bốn chữ Hán “Bửu Sơn Kỳ Hương”. “Lòng phái” là xác nhận tín đồ của đạo. Ngoài ra, nhiều tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương cho rằng, “Lòng phái” là một dạng bùa, chú của Mật tông Phật giáo, có chức năng phù hộ độ trì cho tín đồ tránh được bệnh tật.

Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Nhân học. (2007). *Nhập môn lý thuyết Nhân học*. (Phan Ngọc Chiến dịch và Lương Văn Hy hiệu đính). Thành phố Hồ Chí Minh: NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dương, V. K. (Ngày 23 tháng 6 năm 2020). Giới thiệu khái quát về đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Truy cập từ http://btgcp.gov.vn/gioi-thieu-cac-to-chuc-ton-giao-da-duoc-congnhan/Gioi_thieu_khai_quat_ve_dao_Buu_son_ky_huong-postwaqjGMmE.html
- Giang, P. (Ngày 23 tháng 08 năm 2010). Tìm hiểu pháp phục Phật giáo Việt Nam. Truy cập từ <https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=77E251>
- Hà, T. D. (1971). *Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương - Đức Bốn Sư núi Tượng - Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Sài Gòn.
- Nguyễn, V. D. (2000). *Góp phần tìm hiểu Bửu Sơn Kỳ Hương một trong những đạo giáo ở Đồng Tháp và các tỉnh khác thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong lịch sử và hiện tại, dưới góc độ quản lý nhà nước về vấn đề tôn giáo hiện nay* (Số 16). Lấp Vò: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Lấp Vò ấn hành.
- Ngô, V. L. (2017). *Nghiên cứu tộc người và văn hóa tộc người tiếp cận nhân học phát triển*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, V. H., & Nguyễn, H. H. (2012). *Tiền giảng Đức Phật Thầy Tây An*. Hoa Kỳ: Văn phòng Phật giáo Hòa Hảo Hải Ngoại xuất bản.
- Nguyễn, V. H. (1956). *Đức Cố Quán hay là cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*. Sài Gòn: NXB Tân Sanh.
- Nguyễn, X. N. (2008). Lý thuyết chọn lựa hợp lý và việc giải thích hiện tượng tôn giáo. *Khoa học Xã hội*, số 2(114), 69-79.
- Phan, T. Y. T. (1993). *Nhà ở, trang phục, ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Phan, L. T. (2004). Các tôn giáo và đạo giáo ở Nam Bộ đặc tính và mối liên hệ với các tôn giáo ở Việt Nam. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, 29-36.
- Trần, N. T. (Chủ biên). (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn hóa - Văn nghệ.